TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 193/2017/HNGĐ-ST
Ngày 13-11-2017
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực.

Bà Phạm Thị Hà.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Ngọc Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 13 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 344/2017/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2017 về "tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 328/2017/QĐXXST – HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: ấp PTT, xã PL, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Chí L**, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: ấp TT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau**.**

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Nguyễn Thị U**, 54 tuổi (có mặt).

Địa chỉ: ấp TT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 18/8/2017, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Chí L kết hôn ngày 11/01/2015, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, huyện ĐD. Khoảng 03 tháng sau vợ chồng đi

làm tại Cần Thơ, đến khi chị có thai thì về nhà cha mẹ chồng sống còn anh L thì vẫn đi làm ở Cần Thơ. Khi chị sinh con được 03 tháng thì cha chồng bị bệnh tai biến, chị có xin phép cha mẹ chồng lên ở cùng anh L nhưng cha mẹ chồng không cho nên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Chị cương quyết lên Cần Thơ sống cùng anh L thì nhận thấy anh L có nhiều thay đổi, có nhiều mối quan hệ không lành mạnh nên vợ chồng tiếp tục phát sinh mâu thuẫn cự cải. Đến tháng 02/2017 chị và anh L về nhà cha mẹ chồng sống nên mất nguồn thu nhập chính, cuộc sống càng khó khăn hơn và mâu thuẫn cự cải nhiều hơn. Ngày 29/5/2017 khi chị và anh L cự cải thì anh L đánh chị và đuổi chị đi. Do đó, chị về nhà cha mẹ chị sinh sống đến nay. Nay chị thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và khởi kiện xin ly hôn với anh L.

Về con chung chị xin nuôi dưỡng 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Khánh B, sinh ngày 29/3/2016 và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chị yêu cầu phân chia mỗi người hưởng ½ của 10 chỉ vàng 24k hiện cho bà Nguyễn Thị U (mẹ chồng) mượn.

Về nợ chung chị xác định không có.

- Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Chí L trình bày:

Về thời gian kết hôn, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn, thời gian ly thân, con chung và tài sản chung như chị T trình bày trên là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn là không đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng đi làm tại Cần Thơ, đến khi chị T có thai gần ngày sinh thì về nhà cha mẹ anh sinh con, sau khi sinh con anh ở lại chăm sóc hơn 1 tháng thì tiếp tục đi làm. Đến khi con được khoảng 3 tháng tuổi thì chị T đòi lên ở Cần Thơ cùng anh nhưng anh nói con nhỏ nếu lên thì nặng chi phí, trong khi cha anh đang bệnh nên mẹ anh kêu ở nhà chứ không phải không cho chị T lên, chị T cương quyết thì anh rước lên sống cùng anh. Còn việc chị T cho rằng anh có mối quan hệ không lành mạnh bên ngoài là không đúng, vì công việc nên thường xuyên giao lưu khách hàng. Đến đầu năm 2017 cha anh bệnh nhiều nên vợ chồng cùng về sống với cha mẹ, đến khoảng tháng 5/2017 chị T bỏ đi cho rằng cuộc sống cực khổ. Khi đi chị T đòi bắt con đi nhưng anh không đồng ý nên có xảy ra giằng co, chị T bị té chứ anh không có đánh. Nay chị T khởi kiện xin ly hôn anh không đồng ý và yêu cầu được đoàn tụ vì xác định mâu thuẫn vợ chồng chưa trầm trọng, còn có khả năng chung sống hạnh phúc lại với nhau.

Nếu Tòa án cho ly hôn thì anh yêu cầu nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng, nếu giao con cho chị T nuôi thì anh đồng ý cấp dưỡng theo quy định pháp luật, đồng ý chia đôi 10 chỉ vàng 24k hiện mẹ anh đang quản lý. Đối với việc bà U mua xe môtô cho anh sử dụng thì anh và bà U tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị U trình bày: Bà có mượn của chị T 10 chỉ vàng 24k

và đồng ý giao trả lại cho vợ chồng chị T. Quá trình chị T sống với gia đình của bà thì hai bên không phát sinh mâu thuẫn gì và bà cũng không có gây khó khăn gì cho chị T. Đối với việc bà mua xe môtô Air Blade cho anh Chí L và hiện anh L đang quản lý thì việc này bà sẽ thỏa thuận với anh L sau, không yêu cầu Tòa án giải quyết và không yêu cầu đối trừ 10 chỉ vàng 24k bà đã mượn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị T và anh L tự nguyện kết hôn năm 2015 và có đăng ký kết hôn. Do đó, mối quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh L là hôn nhân hợp pháp, được tôn trọng và pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống chị T cho rằng mâu thuẫn chính do anh L có quan hệ tình cảm bên ngoài, không quan tâm vợ con, tính tình gia trưởng, xúc phạm chị và gia đình chị, đánh và đuổi chị đi khỏi nhà, cuộc sống tại nhà anh L thật sự khó khăn đối với chị nên yêu cầu được ly hôn với anh L. Anh L cho rằng mâu thuẫn như chị T trình bày là không đúng vì giữa anh và chị T không có mâu thuẫn gì trầm trọng, còn có khả năng hàn gắn chung sống hạnh phúc nên anh không đồng ý lý hôn.

Xét về nguyên nhân mâu thuẫn chị T đặt ra không được anh L thừa nhận. Ngoài ra chị T không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của chị là có căn cứ nên không được chấp nhận các lý do mâu thuẫn chị T đặt ra.

Hội đồng xét xử thấy rằng nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu của anh chị là do mâu thuẫn về nơi sinh sống, làm việc. Bởi lẽ, tại phiên tòa anh L và chị T cùng xác định chấp nhận việc anh L đi làm tại thành phố Cà Mau, cuối tuần về thăm nom, chăm sóc cho vợ con; nếu anh L thực hiện tốt vấn đề này thì vợ chồng vẫn chung sống đoàn tụ. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh L xuất phát tạm thời chưa được hai bên đưa ra quan điểm thống nhất về nơi sinh sống, làm việc ổn định của anh chị, anh chị có quyền thỏa thuận lựa chọn nơi cư trú của vợ chồng, không bị ràng buộc bởi phong tục, tập quán, địa giới hành chính theo quy định tại Điều 20 Luật hôn nhân và gia đình. Hơn nữa thời gian chung sống của anh chị chưa dài, tuổi đời còn trẻ chưa thích nghi cuộc sống gia đình. Ngoài ra, anh chị không có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Mặt khác, tại phiên tòa chị T và anh L xác định tình cảm dành cho nhau vẫn còn. Do đó, cần có thời gian cho anh chị suy nghĩ, hàn gắn và sửa chữa những sai sót, khuyết điểm của mình.

Từ các căn cứ phân tích trên, cho thấy hôn nhân của chị T và anh L chưa lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung còn có thể kéo dài, mục đích hôn nhân còn đạt được, nên yêu cầu của chị T xin ly hôn với anh L là không có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về con chung, tài sản chung, nợ chung của anh chị là có căn cứ.

[3] Án phí hôn nhân gia đình chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Chí L.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân gia đình chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng, chị T dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0009122 ngày 05/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được chuyển thu, chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị T 875.000 đồng tiền dự nộp án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai số 0009122 ngày 05/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi khi án có hiệu lực pháp luật.

5. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên